



xī xì

嬉戏

verb · to play; to frolic

Example Sentences

Hái zǐ men zài gōng yuán lǐ xī xì
孩子们在公园里嬉戏。

The children are playing in the park.

Hǎi tún zài shuǐ zhōng kuài lè de xī xì
海豚在水中快乐地嬉戏。

Dolphins frolic happily in the water.

fàng xué hòu tā men cháng cháng zài cǎo chǎng shàng xī xì dǎ nào
放学后，他们常常在操场上嬉戏打闹。

After school, they often play and romp on the playground.

Trace each character, then write the word on your own.

嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉
嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉	嬉				
戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏	戏		